

**CÔNG TY CP CẤP NƯỚC
PHÚ MỸ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 14.08/CNPM

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2026

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX)

Thực hiện quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty CP Cấp nước Phú Mỹ (MCK: PMW) thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) bán niên soát xét năm 2026 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. BCTC bán niên soát xét năm 2026 theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC gồm:

- ☒ BCTC riêng (Tổ chức không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);
☐ BCTC hợp nhất (Tổ chức có công ty con);
☐ BCTC tổng hợp (Tổ chức có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

2. Các văn bản giải trình phải công bố thông tin **đồng thời** cùng với BCTC theo quy định tại khoản 4 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT- BTC gồm:

i) Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (Ý kiến ngoại trừ/ Ý kiến trái ngược/ Từ chối cho ý kiến)?

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình về ý kiến không chấp nhận toàn phần của tổ chức kiểm toán:

☐ Có

☒ Không

ii) Lợi nhuận sau thuế (LNST) thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo có thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước?

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình LNST thu nhập doanh nghiệp thay đổi 10% so với cùng kỳ năm trước:

☐ Có

☒ Không

iii) LNST trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán/ bán niên soát xét từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại?

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình LNST chênh lệch trước và sau kiểm toán/ bán niên soát xét từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại:

☐ Có

☒ Không

iv) Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại?



☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☐ Có

☒ Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày: 14/08/2026 tại đường dẫn: <http://www.pmw.vn/bao-cao/bao-cao-tai-chinh/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

The signature is a fluid, handwritten name in blue ink. It is placed over a red circular official stamp. The stamp contains the text: 'M.S.D.N: 3500677525 - C.T.C.P', 'CÔNG TY CỔ PHẦN', 'CẤP QUỐC', 'PHÚ MỸ', and 'TP. HỒ CHÍ MINH'.

GIÁM ĐỐC
Nguyễn Cảnh Toàn



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	9 - 32

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ MỸ

Số 02 Đường Độc Lập, KP Tân Ngọc, Phường Phú Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Mỹ (gọi tắt là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát Công ty trong kỳ và đến ngày phê duyệt báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Lương Điền	Chủ tịch
Ông Đinh Chí Đức	Thành viên
Bà Châu Thị Thuý Anh	Thành viên
Ông Đặng Hồng Đăng	Thành viên (miễn nhiệm ngày 22 tháng 03 năm 2026)
Bà Nguyễn Thị Hoàng Ngọc	Thành viên (bổ nhiệm ngày 22 tháng 03 năm 2026)
Ông Võ Hiền Hiếu	Thành viên
Ông Nguyễn Xuân Khả	Thành viên
Ông Nguyễn Tấn Long	Thành viên
Ông Phạm Tấn Luận	Thành viên
Ông Nguyễn Cảnh Toàn	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Cảnh Toàn	Giám đốc (bổ nhiệm ngày 03 tháng 02 năm 2026) Phó Giám đốc (từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 02 tháng 02 năm 2026)
Ông Phạm Tấn Luận	Giám đốc (miễn nhiệm ngày 03 tháng 02 năm 2026)
Bà Nguyễn Thị Hoàng Ngọc	Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 03 tháng 02 năm 2026)

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Nhung	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Thành viên
Ông Hồ Đắc Khương	Thành viên

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này như sau:

- Ông Nguyễn Lương Điền – Chủ tịch Hội đồng Quản trị và ông Phạm Tấn Luận - Giám đốc (từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 02 tháng 02 năm 2026).
- Ông Nguyễn Lương Điền – Chủ tịch Hội đồng Quản trị và ông Nguyễn Cảnh Toàn - Giám đốc (từ ngày 03 tháng 02 năm 2026 đến nay).

TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Canh Toàn
Giám đốc

Ngày 07 tháng 08 năm 2026

Số: 080701/2026/BCSX-iCPA

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Mỹ

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Mỹ (gọi tắt là "Công ty"), được phê duyệt ngày 07 tháng 08 năm 2026, từ trang 5 đến trang 32 bao gồm Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày nêu trên và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do Kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.



Nguyễn Như Phương
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2021-2023-072-1
Hà Nội, ngày 07 tháng 08 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		55.638.229.840	40.346.879.513
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	11.650.812.051	3.971.086.337
1. Tiền	111		5.650.812.051	3.971.086.337
2. Các khoản tương đương tiền	112		6.000.000.000	-
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		33.320.970.038	26.142.612.083
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	25.111.644.443	16.908.553.966
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	7.369.232.284	9.084.175.893
3. Phải thu ngắn hạn khác	135	V.4	920.596.166	230.385.079
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136		(80.502.855)	(80.502.855)
III. Hàng tồn kho	140		9.416.189.652	8.346.576.798
1. Hàng tồn kho	141	V.5	9.416.189.652	8.346.576.798
IV. Tài sản ngắn hạn khác	160		1.250.258.099	1.886.604.295
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	V.9a	294.000.000	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	162		386.965.935	1.886.604.295
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163	V.14a	569.292.164	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		636.205.649.861	632.786.668.568
I. Tài sản cố định	220		399.720.275.716	407.162.448.058
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	398.098.651.388	405.260.234.990
- Nguyên giá	222		736.846.311.408	724.832.360.872
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(338.747.660.020)	(319.572.125.882)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.7	1.621.624.328	1.902.213.068
- Nguyên giá	228		4.007.226.176	4.007.226.176
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.385.601.848)	(2.105.013.108)
II. Tài sản dở dang dài hạn	250		117.786.309.399	105.097.524.943
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252	V.8	117.786.309.399	105.097.524.943
III. Đầu tư tài chính dài hạn	260		102.578.525.900	102.578.525.900
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	262	V.10	102.578.525.900	102.578.525.900
IV. Tài sản dài hạn khác	270		16.120.538.846	17.948.169.667
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	V.9b	16.120.538.846	17.948.169.667
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280		691.843.879.701	673.133.548.081

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		65.790.048.526	93.803.973.731
I. Nợ ngắn hạn	310		43.330.890.126	93.803.973.731
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	27.824.040.305	33.317.665.848
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		116.457.172	58.429.953
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	V.14b	3.003.438.671	4.574.485.205
4. Phải trả người lao động	315		3.704.882.715	4.339.240.564
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	V.12	207.636.525	634.525.434
6. Phải trả ngắn hạn khác	320	V.13	769.363.151	320.760.570
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	V.15a	3.121.896.960	44.209.278.500
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		4.583.174.627	6.349.587.657
II. Nợ dài hạn	330		22.459.158.400	-
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339	V.15b	22.459.158.400	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.16	626.053.831.175	579.329.574.350
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		499.998.320.000	499.998.320.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		499.998.320.000	499.998.320.000
2. Thặng dư vốn	412		32.029.950.000	32.029.950.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		18.508.165.610	18.508.165.610
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		75.517.395.565	28.793.138.740
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	420a		28.793.138.740	21.592.829.554
- LNST chưa phân phối kỳ này	420b		46.724.256.825	7.200.309.186
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		691.843.879.701	673.133.548.081

Trần Tố Liên
Người lập biểu

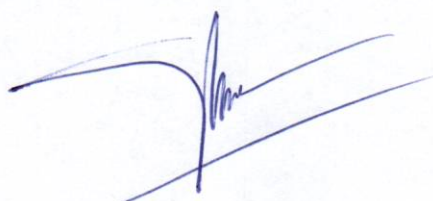
Vũ Thị Như Trang
Kế toán trưởng

Nguyễn Cảnh Toàn
Giám đốc
Phê duyệt, ngày 07 tháng 08 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Đơn vị: VND

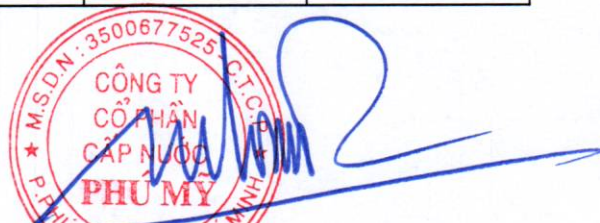
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		192.760.003.509	174.706.379.459
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	192.760.003.509	174.706.379.459
3. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	123.052.569.527	116.444.753.590
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		69.707.433.982	58.261.625.869
5. Doanh thu hoạt động tài chính	22	VI.3	11.849.006.885	22.012.315.442
6. Chi phí tài chính	23	VI.4	874.842.952	657.098.156
- Trong đó: Chi phí lãi vay	24		874.842.952	657.098.156
7. Chi phí bán hàng	25	VI.5	11.233.330.719	7.687.328.079
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	15.553.018.349	15.430.841.893
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		53.895.248.847	56.498.673.183
10. Thu nhập khác	31	VI.7	444.821.957	380.133.923
11. Chi phí khác	32	VI.8	315.522.632	282.656.134
12. Lợi nhuận khác	40		129.299.325	97.477.789
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		54.024.548.172	56.596.150.972
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	4.300.291.347	3.492.259.592
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		49.724.256.825	53.103.891.380
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	895	956
17. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	895	956



Trần Tố Liên
Người lập biểu



Vũ Thị Như Trang
Kế toán trưởng



Nguyễn Cảnh Toàn
Giám đốc

Phê duyệt, ngày 07 tháng 08 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	54.024.548.172	56.596.150.972
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	19.542.688.732	23.170.465.025
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05	(11.777.203.931)	(22.012.315.442)
Chi phí đi vay	06	874.842.952	657.098.156
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	62.664.875.925	58.411.398.711
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(6.248.011.759)	3.305.329.959
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(1.069.612.854)	(5.372.896.438)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	(7.798.484.031)	45.691.952.008
(Tăng)/Giảm chi phí chờ phân bổ	12	1.533.630.821	(2.265.335.970)
Chi phí đi vay đã trả	14	(843.625.338)	(697.285.861)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(4.152.313.965)	(3.774.605.577)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(4.766.413.030)	(7.210.767.184)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	39.320.045.769	88.087.789.648
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(24.858.320.174)	(28.544.585.039)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	9.259.259	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	11.836.964.000	16.444.006.756
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(13.012.096.915)	(12.100.578.283)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	43.744.088.113	70.041.599.585
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(62.372.311.253)	(113.566.594.751)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(49.999.832.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(18.628.223.140)	(93.524.827.166)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	7.679.725.714	(17.537.615.801)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	3.971.086.337	41.534.307.737
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	11.650.812.051	23.996.691.936

Trần Tố Liên
Người lập biểu

Vũ Thị Như Trang
Kế toán trưởng



Nguyễn Cảnh Toàn
Giám đốc

Phê duyệt, ngày 07 tháng 08 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Mỹ là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Xí nghiệp cấp nước Phú Mỹ thuộc Công ty Cấp nước Bà Rịa - Vũng Tàu theo Quyết định số 6023/QĐ.UB ngày 27 tháng 08 năm 2004 của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Công ty được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 3500677525 ngày 29 tháng 11 năm 2004 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp. Hiện tại, Công ty đang hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 23 ngày 09 tháng 02 năm 2026.

Vốn điều lệ của Công ty là: 499.998.320.000 đồng (Bốn trăm chín mươi chín tỷ chín trăm chín mươi tám triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng).

Công ty có trụ sở tại: Số 02 Đường Độc Lập, KP Tân Ngọc, Phường Phú Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là khai thác, xử lý và cung cấp nước.

3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Kinh doanh các vật tư, trang thiết bị về ngành nước); và
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (Chi tiết: Xây dựng công trình đường ống cấp thoát nước).

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính giữa niên độ

Số liệu so sánh trên Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 đã được kiểm toán.

Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 đã được soát xét.

6. Nhân viên

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 là 67 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 69 người).

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC ("Thông tư 99") hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2026. Thông tư 99 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014. Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 99 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026.

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền, ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị và không bị hạn chế sử dụng.

Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty liên kết theo giá gốc, bao gồm giá mua và chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)*****Đầu tư vào công ty liên kết (Tiếp theo)***

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trình bày trong Báo cáo tình hình tài chính theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên) hoặc căn cứ vào mức tổn thất có thể xảy ra theo đánh giá của Công ty. Chênh lệch giữa khoản dự phòng phải lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm tài chính. Khi các khoản phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc bán các sản phẩm đó.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho khi hàng tồn kho bị hư hỏng, lỗi thời, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến vị trí và trạng thái cần thiết để tài sản có khả năng hoạt động theo cách thức dự định của doanh nghiệp.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản cố định đến vị trí và trạng thái có khả năng hoạt động.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25	06 - 25
Máy móc, thiết bị	06 - 15	06 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 - 25	08 - 25
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10	03 - 10

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập thuần do thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Thuê tài sản**

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty là quyền sử dụng đất và phần mềm kế toán.

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng được cấp trong vòng 15 năm.

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Báo cáo tình hình tài chính theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 03 đến 08 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái có khả năng hoạt động.

Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ là các chi phí thực tế đã phát sinh và có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các khoản chi phí chờ phân bổ khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí sửa chữa, cải tạo và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Phải trả người bán

Phải trả người bán là các khoản nợ phải trả phát sinh từ việc mua hàng hóa, dịch vụ hoặc tài sản từ người bán trong hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp. Các khoản phải trả người bán được thể hiện theo giá gốc.

Vay

Vay được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ đi vay trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm/kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản đó vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Các khoản thu nhập phát sinh từ hoạt động đầu tư tạm thời của các khoản vốn vay riêng biệt trong khi chờ được sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang được ghi giảm trừ vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hóa.

Vốn chủ sở hữu**Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết được ghi nhận theo mệnh giá. Cổ phiếu phát hành để tăng vốn điều lệ, vốn góp của cổ đông được ghi nhận theo số tiền thực tế thu được tương ứng với mệnh giá cổ phiếu phát hành thành công.

Thặng dư vốn

Thặng dư vốn phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu phổ thông, sau khi trừ đi chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Số cổ tức được công bố và chi trả từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của cổ đông trong Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty để dùng cho công tác khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, phục vụ nhu cầu phúc lợi công cộng, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người lao động theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty. Việc trích lập và sử dụng quỹ khen thưởng, phúc lợi tuân thủ theo các quy định về kế toán và tài chính hiện hành.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp. Việc trích và sử dụng quỹ đầu tư phát triển được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các quy định hiện hành.

Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác (Tiếp theo)

- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- (d) Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Báo cáo tình hình tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Báo cáo tình hình tài chính; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Thu nhập khác là các khoản thu nhập từ các hoạt động không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu từ các hoạt động chính.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa đã bán và dịch vụ đã cung cấp trong kỳ và được ghi nhận phù hợp với doanh thu trong kỳ.

Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng là các khoản chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp được ghi nhận vào chi phí trong kỳ/năm theo cơ sở dồn tích.

Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp là các khoản chi phí phát sinh liên quan hoạt động quản lý chung của doanh nghiệp, không trực tiếp gắn với hoạt động bán hàng hoặc sản xuất và được ghi nhận vào chi phí trong kỳ/năm theo cơ sở dồn tích.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty xác định đáp ứng loại hình, tiêu chí, quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã hội hóa lĩnh vực môi trường theo Quyết định số 1466/QĐ-TTg, Quyết định số 693/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Theo đó, phần thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện lĩnh vực xã hội hóa hoạt động cung cấp nước sạch được áp dụng thuế suất ưu đãi 10% trong suốt thời gian hoạt động.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính giữa niên độ và được ghi nhận theo phương pháp Báo cáo tình hình tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận (hoặc lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Tiền mặt	109.054.956	554.213.646
Tiền gửi không kỳ hạn	5.541.757.095	3.416.872.691
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Mỹ	1.897.870.696	2.917.178.787
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2.169.938.020	47.474.172
Các ngân hàng khác	1.473.948.379	452.219.732
Các khoản tương đương tiền (*)	6.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Mỹ	4.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu	2.000.000.000	-
Cộng	11.650.812.051	3.971.086.337

(*) Các khoản tiền gửi tại các Ngân hàng có kỳ hạn 01 tháng, lãi suất 4,75%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

2. PHẢI THU NGÁN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị VND	Giá trị dự phòng VND	Giá trị VND	Giá trị dự phòng VND
Công ty Cổ phần Thanh Bình Phú Mỹ	6.681.958.265	-	-	-
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Khu công nghiệp IDICO	6.275.566.827	-	6.768.763.646	-
Công ty Đầu tư & Khai thác Hạ tầng KCN Đông Xuyên & Phú Mỹ I tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	3.594.301.200	-	3.279.087.000	-
Công ty TNHH Hóa chất Hyosung Vina	1.527.050.868	-	1.076.051.088	-
Công ty TNHH Posco Việt Nam	1.286.082.420	-	1.010.113.440	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	5.746.684.863	80.502.855	4.774.538.792	80.502.855
Cộng	25.111.644.443	80.502.855	16.908.553.966	80.502.855

3. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGÂN HẠN

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị VND	Giá trị dự phòng VND	Giá trị VND	Giá trị dự phòng VND
Công ty Cổ phần Cấp nước Bà Rịa - Vũng Tàu	1.647.274.000	-	1.647.274.000	-
Công ty Cổ phần Tư vấn thiết kế xây dựng Hoàn Mỹ Việt Nam	1.095.022.800	-	-	-
Công ty TNHH TMDV - Đầu tư xây dựng Tuấn Phát	-	-	4.002.311.747	-
Công ty TNHH Xây Dựng TM DV An Bình Full	13.294.741	-	1.630.000.000	-
Các nhà cung cấp khác	4.613.640.743	-	1.804.590.146	-
Cộng	7.369.232.284	-	9.084.175.893	-
Trả trước cho người bán là các bên liên quan	1.647.274.000	-	1.647.274.000	-

(Chi tiết tại Thuyết minh số VII.1)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4. PHẢI THU KHÁC NGÂN HẠN

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị VND	Giá trị dự phòng VND	Giá trị VND	Giá trị dự phòng VND
Tạm ứng	827.521.572	-	-	-
Ký cược, ký quỹ	-	-	50.000.000	-
BHXH phải thu lại nhân viên	1.291.500	-	76.177.500	-
Phải thu khác	91.783.094	-	104.207.579	-
Cộng	920.596.166	-	230.385.079	-

5. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	9.416.189.652	-	8.346.576.798	-
Cộng	9.416.189.652	-	8.346.576.798	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

6. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYỄN GIÁ									
Số dư đầu kỳ	67.024.726.992	34.444.457.120	608.973.080.749	14.390.096.011	724.832.360.872				
Mua trong kỳ	-	1.530.438.680	-	1.076.513.889	2.606.952.569				
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	731.266.500	8.831.316.649	-	9.562.583.149				
Phân loại lại	-	(1.478.066.871)	1.478.066.871	-	-				
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(155.585.182)	(155.585.182)				
Số dư cuối kỳ	67.024.726.992	35.228.095.429	619.282.464.269	15.311.024.718	736.846.311.408				
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ									
Số dư đầu kỳ	31.397.841.940	22.187.263.344	257.809.661.112	8.177.359.486	319.572.125.882				
Khấu hao trong kỳ	1.738.527.855	1.257.260.417	15.554.082.817	712.228.903	19.262.099.992				
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(86.565.854)	(86.565.854)				
Số dư cuối kỳ	33.136.369.795	23.444.523.761	273.363.743.929	8.803.022.535	338.747.660.020				
GIÁ TRỊ CÒN LẠI									
Tại ngày đầu kỳ	35.626.885.052	12.257.193.776	351.163.419.637	6.212.736.525	405.260.234.990				
Tại ngày cuối kỳ	33.888.357.197	11.783.571.668	345.918.720.340	6.508.002.183	398.098.651.388				

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 là 52.838.034.378 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 49.251.239.877 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

7. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu kỳ	180.000.000	3.827.226.176	4.007.226.176
Tăng trong kỳ	-	-	-
Số dư cuối kỳ	180.000.000	3.827.226.176	4.007.226.176
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu kỳ	97.000.000	2.008.013.108	2.105.013.108
Khấu hao trong kỳ	6.000.000	274.588.740	280.588.740
Số dư cuối kỳ	103.000.000	2.282.601.848	2.385.601.848
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu kỳ	83.000.000	1.819.213.068	1.902.213.068
Tại ngày cuối kỳ	77.000.000	1.544.624.328	1.621.624.328

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 là 1.201.198.176 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 1.201.198.176 đồng)

8. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Xây dựng các công trình tuyến ống	89.757.839.389	93.309.942.639
Xây dựng các công trình khác	27.973.674.572	11.744.072.271
Sửa chữa định kỳ các hệ thống tuyến ống	54.795.438	43.510.033
Cộng	117.786.309.399	105.097.524.943

9. CHI PHÍ CHỜ PHÂN BỐ

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
a. Ngắn hạn		
Chi phí thuê hệ thống cấp nước sạch KCN MXA2	294.000.000	-
Cộng	294.000.000	-
b. Dài hạn		
Chi phí sản xuất	1.334.330.772	1.003.463.546
Chi phí sửa chữa	3.134.277.107	3.147.215.888
Tuyến ống dịch vụ	1.204.881.125	1.721.460.205
Thiết bị quản lý	187.006.265	148.383.607
Công cụ dụng cụ quản lý	1.432.148.561	1.520.340.728
Chi phí lắp mới đồng hồ	1.209.083.280	1.269.683.718
Chi phí thay bảo hành đồng hồ	7.618.811.736	9.137.621.975
Cộng	16.120.538.846	17.948.169.667

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

10. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH LIÊN KẾT

	Số cuối kỳ			Số đầu kỳ		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Cấp nước Châu Đức (i)	82.500.000.000	82.500.000.000	(*)	82.500.000.000	82.500.000.000	(*)
Công ty Cổ phần Cấp nước Bà Rịa - Vũng Tàu (ii)	20.078.525.900	20.078.525.900	-	20.078.525.900	20.078.525.900	-
Cộng	102.578.525.900	102.578.525.900	-	102.578.525.900	102.578.525.900	-

- (i)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, Công ty nắm giữ 11.836.964 cổ phiếu, tương ứng 19,73% quyền biểu quyết tại Công ty Cổ phần Cấp nước Châu Đức. Mặc dù tỷ lệ quyền biểu quyết dưới 20%, căn cứ việc Ông Nguyễn Lương Điền đồng thời là Chủ tịch Hội đồng quản trị của cả hai công ty, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc xác định Công ty có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty Cổ phần Cấp nước Châu Đức. Theo đó, Công ty Cổ phần Cấp nước Châu Đức được xác định là công ty liên kết của Công ty.
- (ii)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, Công ty nắm giữ 5.067.780 cổ phiếu, tương ứng 5,07% quyền biểu quyết tại Công ty Cổ phần Cấp nước Bà Rịa - Vũng Tàu. Mặc dù tỷ lệ quyền biểu quyết dưới 20%, căn cứ việc Ông Nguyễn Lương Điền đồng thời là Chủ tịch Hội đồng quản trị của cả hai công ty, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc xác định Công ty có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty Cổ phần Cấp nước Bà Rịa - Vũng Tàu. Theo đó, Công ty Cổ phần Cấp nước Bà Rịa - Vũng Tàu được xác định là công ty liên kết của Công ty.
- (*)

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết này do chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ MỸSố 02 Đường Độc Lập, KP Tân Ngọc,
Phường Phú Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh**Mẫu số B 09a- DN**

Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC

Ngày 27/10/2025 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Công ty Cổ phần Cấp nước Châu Đức	23.732.297.350 /	26.097.733.200
Công ty TNHH Cấp Nước Tóc Tiên	2.013.937.590 /	863.405.550
Công ty TNHH Xây dựng Lưu Nguyễn	-	5.573.139.987
Phải trả các đối tượng khác	2.077.805.365 /	783.387.111
Cộng	27.824.040.305 /	33.317.665.848
Phải trả người bán là các bên liên quan	23.732.297.350 /	26.097.733.200

*(Chi tiết tại Thuyết minh số VII.1)***12. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Trích trước chi phí bảo vệ môi trường	71.377.384 /	85.522.580
Trích trước chi phí lãi vay	75.715.380 /	44.497.766
Trích trước chi phí tiền điện	-	276.751.575
Trích trước chi phí phải trả khác	60.543.761 /	227.753.513
Cộng	207.636.525 /	634.525.434

13. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Nhận ký quỹ, ký cược	276.079.445 /	214.079.445
Phải trả khác	493.283.706 /	106.681.125
Cộng	769.363.151 /	320.760.570

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu kỳ		Số phải nộp trong kỳ		Số đã thực nộp trong kỳ		Số cuối kỳ	
	VND		VND		VND		VND	
a. Các khoản phải thu								
Thuế thu nhập cá nhân	-		-		569.292.164		569.292.164	
	-		-		569.292.164		569.292.164	
b. Các khoản phải trả								
Thuế giá trị gia tăng	-		149.921.974		149.921.974		-	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.104.069.373		4.300.291.347		4.152.313.965		2.252.046.755	
Thuế thu nhập cá nhân	1.517.356.458		861.691.255		2.379.047.713		-	
Thuế tài nguyên	252.492.750		1.189.904.555		1.401.860.435		40.536.870	
Thuế bảo vệ môi trường	700.566.624		4.323.669.426		4.313.381.004		710.855.046	
Cộng	4.574.485.205		10.825.478.557		12.396.525.091		3.003.438.671	

15. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	Số đầu kỳ		Trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Giá trị VND		Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	
a. Ngắn hạn						
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu	21.229.592.500		-	21.229.592.500	-	
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Mỹ (i)	22.979.686.000		10.306.741.103	31.142.718.753	2.143.708.350	
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (ii)	-		978.188.610	-	978.188.610	
Công ty Cổ phần Cấp nước Châu Đức	-		10.000.000.000	10.000.000.000	-	
Cộng	44.209.278.500		21.284.929.713	62.372.311.253	3.121.896.960	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

15. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Số đầu kỳ		Trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Giá trị VND		Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	
b. Dài hạn						
Công ty Cổ phần Cấp nước Châu Đức (iii)	-		22.459.158.400	-	22.459.158.400	
Cộng	-		22.459.158.400	-	22.459.158.400	
Trong đó: Vay và nợ thuế tài chính là các bên liên quan	-				22.459.158.400	
(Chi tiết tại Thuyết minh số VII.1)						

- (i) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2025/644439/HĐTD ngày 18 tháng 06 năm 2025 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Mỹ, hạn mức cấp tín dụng là 50 tỷ đồng, thời hạn của hợp đồng là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 30 tháng 06 năm 2026. Công ty vay vốn để bổ sung vốn lưu động, mở L/C, phát hành bảo lãnh phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, lãi suất vay được xác định trong hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.
- (ii) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 26.01.09/2026-HĐCVH/PMW ngày 16 tháng 03 năm 2026 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa Vũng Tàu, hạn mức cấp tín dụng là 50 tỷ đồng, thời hạn của hợp đồng là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 15 tháng 03 năm 2027. Công ty vay vốn để bổ sung vốn lưu động, mở L/C, phát hành bảo lãnh phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, lãi suất vay được xác định trong hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.
- (iii) Hợp đồng cho vay tín chấp trung hạn số 02/HĐCV/WAS-PMW ngày 02 tháng 03 năm 2026 với Công ty Cổ phần Cấp nước Châu Đức, hạn mức cho vay tối đa là 40 tỷ đồng. Thời hạn cho vay tối đa là 05 năm kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên; trường hợp các lần giải ngân có thỏa thuận thời hạn cho vay khác thì thực hiện theo thỏa thuận tại từng lần giải ngân. Lãi suất vay được cố định trong 02 năm đầu kể từ ngày giải ngân đầu tiên, sau đó áp dụng lãi suất thả nổi. Khoản vay được sử dụng để đầu tư, xây dựng, mua sắm tài sản cố định và bổ sung vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Từ 1 năm trở xuống	-	-
Trên 1 năm đến 5 năm	22.459.158.400	-
Trên 5 năm	-	-
Cộng	22.459.158.400	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	499.998.320.000	32.029.950.000	18.508.165.610	71.592.661.554	622.129.097.164		
Lãi trong năm	-	-	-	119.119.503.186	119.119.503.186		
Chia cổ tức còn lại năm 2024	-	-	-	(49.999.832.000)	(49.999.832.000)		
Tạm chia cổ tức năm 2025	-	-	-	(99.999.664.000)	(99.999.664.000)		
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(11.919.530.000)	(11.919.530.000)		
Số dư đầu kỳ này	499.998.320.000	32.029.950.000	18.508.165.610	28.793.138.740	579.329.574.350		
Lãi trong kỳ	-	-	-	49.724.256.825	49.724.256.825		
Tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	-	-	(3.000.000.000)	(3.000.000.000)		
Số dư cuối kỳ này	499.998.320.000	32.029.950.000	18.508.165.610	75.517.395.565	626.053.831.175		

- (i) Công ty tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi trong 06 tháng đầu năm 2026 là 3 tỷ đồng, tỷ lệ trích này không vượt tỷ lệ trích theo kế hoạch của Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 ngày 22 tháng 03 năm 2026, cụ thể kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026 như sau:
- Trích quỹ Đầu tư phát triển tương ứng 3% lợi nhuận sau thuế.

- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi tương ứng 10% lợi nhuận sau thuế.

- Chia cổ tức với tỷ lệ 15% vốn điều lệ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Tỷ lệ %	VND	Tỷ lệ %	VND
Công ty Cổ phần Cấp nước Châu Đức	40,48%	202.377.190.000	40,48%	202.377.190.000
Công ty Cổ phần Cấp nước Bà Rịa - Vũng Tàu	16,69%	83.460.640.000	16,69%	83.460.640.000
Các cổ đông khác	42,83%	214.160.490.000	42,83%	214.160.490.000
Cộng	100%	499.998.320.000	100%	499.998.320.000

c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ Cổ phiếu	Số đầu kỳ Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	49.999.832	49.999.832
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	49.999.832	49.999.832
Cổ phiếu phổ thông	49.999.832	49.999.832
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	49.999.832	49.999.832
Cổ phiếu phổ thông	49.999.832	49.999.832
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

17. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là khai thác, xử lý và cung cấp nước. Doanh thu từ hoạt động thi công lắp đặt, cung cấp vật tư ngành nước chiếm tỷ trọng nhỏ (xem chi tiết tại thuyết minh số VI.1 - Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ). Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty phát sinh trong địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu thành phẩm nước	191.370.159.834	174.335.240.340
Doanh thu thi công lắp đặt	392.804.165	146.852.119
Doanh thu cung cấp vật tư ngành nước	997.039.510	224.287.000
Cộng	192.760.003.509	174.706.379.459

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn thành phẩm nước	121.760.993.352	115.385.353.870
Giá vốn thi công lắp đặt	300.267.077	822.154.896
Giá vốn cung cấp vật tư ngành nước	991.309.098	237.244.824
Cộng	123.052.569.527	116.444.753.590

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền gửi	11.842.885	26.227.442
Cổ tức, lợi nhuận được chia	11.836.964.000	21.986.088.000
Doanh thu tài chính khác	200.000	-
Cộng	11.849.006.885	22.012.315.442

4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền vay	874.842.952	657.098.156
Cộng	874.842.952	657.098.156

5. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân công	2.382.035.008	2.540.566.217
Chi phí lắp mới đồng hồ nước cho khách hàng	810.927.122	860.096.589
Chi phí lắp mới tuyến ống dịch vụ	576.166.253	620.103.386
Chi phí bảo trì, sửa chữa, di dời	2.793.600.225	1.077.856.382
Chi phí bảo hành đồng hồ nước	2.052.224.855	1.698.888.184
Chi phí dịch vụ mua ngoài	439.017.569	405.095.921
Chi phí bằng tiền khác	2.179.359.687	484.721.400
Cộng	11.233.330.719	7.687.328.079

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ MỸ

Số 02 Đường Độc Lập, KP Tân Ngọc,
Phường Phú Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a- DN

Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC

Ngày 27/10/2025 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)**6. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân công	10.034.269.974	8.087.360.585
Chi phí vật liệu quản lý	40.326.812	27.297.552
Chi phí đồ dùng văn phòng	727.457.962	543.563.446
Chi phí khấu hao tài sản cố định	989.579.834	885.008.248
Thuế, phí, lệ phí	56.547.594	162.745.292
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.641.177.896	3.830.691.820
Chi phí khác bằng tiền	2.063.658.277	1.894.174.950
Cộng	15.553.018.349	15.430.841.893

7. THU NHẬP KHÁC

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Phí BVMT được hưởng	444.821.957	380.133.923
Cộng	444.821.957	380.133.923

8. CHI PHÍ KHÁC

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Phạt vi phạm hành chính, phạt chậm nộp thuế	120.762.563	87.656.134
Chi phí BVMT	135.000.000	195.000.000
Thanh lý TSCĐ	59.760.069	-
Cộng	315.522.632	282.656.134

9. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	54.024.548.172	56.596.150.972
Trong đó:		
- Lợi nhuận từ bán nước sạch	42.020.347.597	35.223.729.641
- Lợi nhuận từ hoạt động khác	12.004.200.575	21.372.421.331
Các khoản điều chỉnh tăng	648.092.721	365.163.494
- Chi phí khấu hao xe ô tô vượt mức quy định	211.207.358	211.207.360
- Tiền phạt VPHC, tiền chậm nộp	120.762.563	87.656.134
- Chi phí không được trừ khác	316.122.800	66.300.000
Các khoản điều chỉnh giảm	(11.836.964.000)	(21.986.088.000)
- Cổ tức, lợi nhuận từ Công ty con, Công ty liên kết	(11.836.964.000)	(21.986.088.000)
Thu nhập chịu thuế	42.835.676.893	34.975.226.466
Thu nhập chịu thuế từ bán nước sạch	42.668.440.318	35.501.237.001
Thu nhập chịu thuế từ hoạt động khác	167.236.575	(526.010.535)
Thuế suất		
Thuế suất đối với hoạt động xã hội hóa	10%	10%
Thuế suất hoạt động thông thường khác	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.300.291.347	3.444.921.594
Truy thu thuế TNDN các năm trước	-	47.337.998
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	4.300.291.347	3.492.259.592

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)**10. LÃI CƠ BẢN/SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận/(lỗ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	49.724.256.825	53.103.891.380
Trừ: Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	4.972.425.683	5.310.389.138
Lợi nhuận/(lỗ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	44.751.831.143	47.793.502.242
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	49.999.832	49.999.832
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu (**)	895	956

- (*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi ước tính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026 được xác định trên cơ sở trích lập bằng 10% lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của kỳ này, theo kế hoạch trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi đã được thông qua tại Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty.

Công ty thực hiện điều chỉnh lại chỉ tiêu lãi cơ bản/Suy giảm trên cổ phiếu cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 do ảnh hưởng của việc trích quỹ khen thưởng phúc lợi theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 14 tháng 03 năm 2025 của Công ty như sau:

	Số đã báo cáo VND	Điều chỉnh VND	Số trình bày lại VND
Lợi nhuận/lỗ để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	53.103.891.380	-	53.103.891.380
Trừ: Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	3.000.000.000	2.310.389.138	5.310.389.138
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	50.103.891.380	2.310.389.138	47.793.502.242
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	49.999.832	-	49.999.832
Lãi cơ bản/Suy giảm trên cổ phiếu	1002	(46)	956

- (**) Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm lãi trên cổ phiếu trong kỳ kế toán và đến ngày lập báo cáo tài chính này. Vì vậy, lãi suy giảm trên cổ phiếu cũng bằng lãi cơ bản trên cổ phiếu.

11. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	103.090.222.441	91.103.605.446
Chi phí nhân công	16.794.396.213	14.608.038.972
Chi phí khấu hao tài sản cố định	19.542.688.732	23.170.465.025
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.604.603.854	6.450.128.831
Chi phí khác bằng tiền	4.807.007.355	4.462.220.656
Cộng	149.838.918.595	139.794.458.930

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ MỸSố 02 Đường Độc Lập, KP Tân Ngọc,
Phường Phú Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh**Mẫu số B 09a- DN**

Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC

Ngày 27/10/2025 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN****Danh sách các bên liên quan:**

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Cấp nước Bà Rịa - Vũng Tàu	Cổ đông lớn đồng thời là Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Cấp nước Châu Đức	Cổ đông lớn đồng thời là Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Nước, Môi trường và Hạ tầng Kỹ thuật Sài Gòn	Công ty có liên quan với người điều hành
Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và các cổ đông lớn	Điều hành Công ty

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Mua hàng	86.803.654.000	81.725.876.227
Công ty Cổ phần Cấp nước Châu Đức	86.562.560.000	77.167.566.000
Công ty Cổ phần Cấp nước Bà Rịa - Vũng Tàu	241.094.000	4.558.310.227
Cổ tức được chia	11.836.964.000	21.986.088.000
Công ty Cổ phần Cấp nước Châu Đức	11.836.964.000	11.343.750.000
Công ty Cổ phần Cấp nước Bà Rịa - Vũng Tàu	-	10.642.338.000
Cổ tức phải trả	-	28.583.783.000
Công ty Cổ phần Cấp nước Châu Đức	-	20.237.719.000
Công ty Cổ phần Cấp nước Bà Rịa - Vũng Tàu	-	8.346.064.000
Vay	32.459.158.400	-
Công ty Cổ phần Cấp nước Châu Đức	32.459.158.400	-
Trả tiền vay	10.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Cấp nước Châu Đức	10.000.000.000	-

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Trả trước cho người bán	1.647.274.000	1.647.274.000
Công ty Cổ phần Cấp nước Bà Rịa - Vũng Tàu	1.647.274.000	1.647.274.000
Phải trả người bán	23.732.297.350	26.097.733.200
Công ty Cổ phần Cấp nước Châu Đức	23.732.297.350	26.097.733.200
Vay và nợ thuê tài chính	22.459.158.400	-
Công ty Cổ phần Cấp nước Châu Đức	22.459.158.400	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**1. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)**

Thu nhập Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát và người quản lý khác được hưởng trong năm như sau:

Tên	Chức vụ	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Ông Nguyễn Lương Điền	Chủ tịch HĐQT	280.000.000 ✓	350.000.000
Ông Đinh Chí Đức	Thành viên HĐQT	230.000.000 ✓	330.000.000
Bà Châu Thị Thuý Anh	Thành viên HĐQT	677.523.000 ✓	706.460.000
Ông Đặng Hồng Đăng	Cựu Thành viên HĐQT	527.866.600 ✓	825.730.000
Ông Võ Hiền Hiếu	Thành viên HĐQT	210.000.000 ✓	110.000.000
Ông Nguyễn Xuân Khả	Thành viên HĐQT	210.000.000 ✓	110.000.000
Ông Nguyễn Tấn Long	Thành viên HĐQT	689.621.000 ✓	781.300.000
Bà Nguyễn Thị Ngọc	Cựu Thành viên HĐQT	-	160.000.000
Ông Nguyễn Cảnh Toàn	Giám đốc kiêm thành viên HĐQT	870.173.000 ✓	590.395.400
Ông Phạm Tấn Luận	Cựu Giám đốc kiêm thành viên HĐQT	552.718.000 ✓	1.038.260.000
Bà Nguyễn Thị Hoàng Ngọc	Phó Giám đốc	333.000.000 ✓	-
Ông Nguyễn Văn Mạnh	Cựu Phó Giám đốc	386.845.000 ✓	955.430.000
Bà Nguyễn Thị Nhung	Trưởng BKS	210.000.000 ✓	110.000.000
Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Thành viên BKS	170.000.000 ✓	90.000.000
Ông Hồ Đắc Khương	Thành viên BKS	170.000.000 ✓	90.000.000
Ông Lê Minh Đức	Cựu Trưởng BKS	-	180.000.000
Bà Đinh Thị Quỳnh Trang	Cựu thành viên BKS	-	150.000.000
Bà Vũ Thị Như Trang	Kế toán trưởng kiêm Người PTQT	476.215.300 ✓	736.300.000
Cộng		5.993.961.900	7.313.875.400

2. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty ký hợp đồng với Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo hợp đồng thuê đất số 87/HĐTĐ ngày 21 tháng 11 năm 2007 tại xã Mỹ Xuân, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành để sử dụng vào mục đích đầu tư nhà máy xử lý nước và trạm bơm giếng trong 50 năm từ ngày 01 tháng 01 năm 2005. Diện tích khu đất thuê là 5.858 m². Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước. Tuy nhiên, đất thuê thuộc đất xây dựng công trình cấp nước nên được miễn tiền thuê đất, tiền thuê mặt nước cho cả thời hạn thuê.

3. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán và cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

4. SỐ LIỆU SO SÁNH

Như đã trình bày tại Thuyết minh số III, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026, Công ty đã áp dụng Thông tư 99. Theo đó, một số số liệu năm trước đã được trình bày lại theo hướng dẫn tại điều khoản chuyển tiếp của Thông tư 99 để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này, cụ thể như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

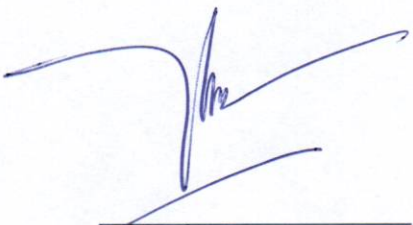
VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**4. SỐ LIỆU SO SÁNH (TIẾP THEO)**

Ảnh hưởng của việc điều chỉnh, phân loại lại đến Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 01 tháng 01 năm 2026:

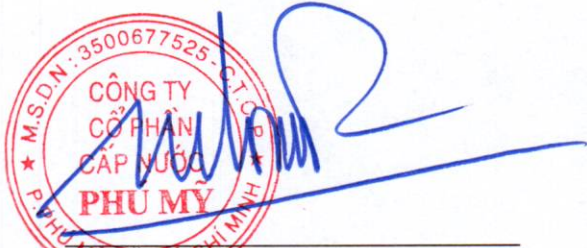
	CHỈ TIÊU	Mã số	Số đã báo cáo (VND)	Trình bày lại (VND)	Số sau trình bày lại (VND)
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	17.948.169.667	(17.948.169.667)	-
2.	Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	-	17.948.169.667	17.948.169.667

Ảnh hưởng của việc điều chỉnh, phân loại lại đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến 30 tháng 06 năm 2025:

	CHỈ TIÊU	Mã số	Số đã báo cáo (VND)	Trình bày lại (VND)	Số sau trình bày lại (VND)
1.	Chi phí lãi vay	06	657.098.156	(657.098.156)	-
2.	Tiền lãi vay đã trả	14	(697.285.861)	697.285.861	-
3.	Chi phí đi vay	06	-	657.098.156	657.098.156
4.	Chi phí đi vay đã trả	14	-	(697.285.861)	(697.285.861)


 Trần Tổ Liên
 Người lập biểu


 Vũ Thị Như Trang
 Kế toán trưởng


 Nguyễn Cảnh Toàn
 Giám đốc

Phê duyệt, ngày 07 tháng 08 năm 2026